

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học: 2023- 2024**

STT	NỘI DUNG	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
I	Tên chương trình giáo dục Mầm Non thực hiện	Tổ chức thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non sửa đổi, bổ sung theo thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành sửa đổi một số nội dung của chương trình giáo dục MN) dành cho trẻ nhà trẻ	Tổ chức thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non sửa đổi, bổ sung theo thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành sửa đổi một số nội dung của chương trình giáo dục MN) dành cho trẻ mẫu giáo
II	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
1	Chất lượng nuôi trẻ	<ul style="list-style-type: none">- 100% trẻ ăn bán trú tại trường với mức tiền ăn 24.000đ/trẻ/ngày (Trong đó tiền ăn, sữa, chất đốt, Thực hiện từ tháng 10/2023).- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. giảm 1,2% tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi so với đầu năm học và khống chế tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì	<ul style="list-style-type: none">- 100% trẻ ăn bán trú tại trường với mức tiền ăn 24.000đ/trẻ/ngày (Trong đó tiền ăn, sữa, chất đốt, Thực hiện từ tháng 10/2023).- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. giảm 1,2% tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi so với đầu năm học và khống chế tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì.
2	Chất lượng chăm sóc, chăm sóc, đảm bảo an toàn cho trẻ.	<ul style="list-style-type: none">- 100% trẻ học tại trường được chăm sóc chu đáo cẩn thận, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi...- Làm tốt việc phòng, chống các dịch bệnh, không để trẻ bị nhiễm các dịch bệnh trong mùa đông, mùa hè, trẻ hồn nhiên, vui tươi, khỏe mạnh, tỷ lệ trẻ mắc các bệnh thông thường ít và đảm bảo công tác	<ul style="list-style-type: none">- 100% trẻ học tại trường được chăm sóc chu đáo cẩn thận, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi...- Làm tốt việc phòng, chống các dịch bệnh, không để trẻ bị nhiễm các dịch bệnh trong mùa đông, mùa hè, trẻ hồn nhiên, vui tươi, khỏe mạnh, tỷ lệ trẻ mắc các bệnh thông thường ít và đảm bảo công tác phòng chống dịch

STT	NỘI DUNG	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
		<p>phòng chống dịch Covid-19</p> <p>- Trẻ được tổ chức khám Sức khỏe: Loại 1,2: 90% Loại 3: 10%</p>	<p>Covid-19</p> <p>- Trẻ được tổ chức khám Sức khỏe: Loại 1,2: 90% Loại 3: 10%</p>
II	Chất lượng giáo dục trẻ	<p>- Trẻ ngoan, có nề nếp trong tham gia các hoạt động giáo dục cùng cô</p> <p>- Phần đầu kết quả đánh giá trẻ theo 4 lĩnh vực: Đạt: 90% %; Cần cố gắng:10%. Không có trẻ không đạt (Trừ trẻ khuyết tật).</p>	<p>- Trẻ mạnh dạn tự tin khi tham gia các hoạt động giáo dục</p> <p>- Phần đầu kết quả đánh giá trẻ theo 5 lĩnh vực PT: Đạt: 90% %; Cần cố gắng: 10%. Không có trẻ không đạt (Trừ trẻ khuyết tật).</p>
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	<p>- Cơ sở vật chất đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc và giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non. Có đầy đủ đồ dùng phục vụ chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p>- Ký hợp đồng với công ty thực phẩm đảm bảo giá cả, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Đảm bảo nguồn nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học</p> <p>- Thực hiện chế độ khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm/trẻ</p> <p>- Tổ chức cho 100% trẻ tham gia các ngày hội, ngày lễ như: Tết Trung thu, ngày hội đến trường của bé, Bé Vui Giáng Sinh, Bé vui Giao thông, Tết thiếu nhi 1/6...</p>	<p>- Cơ sở vật chất đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc và giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non. Có đầy đủ đồ dùng phục vụ chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p>- Ký hợp đồng với công ty thực phẩm đảm bảo giá cả, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Đảm bảo nguồn nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học.</p> <p>- Thực hiện chế độ khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm/trẻ</p> <p>- Tổ chức cho 100% trẻ tham gia các ngày hội, ngày lễ như: Tết Trung thu, ngày hội đến trường của bé, Vui Giáng Sinh, Tết thiếu nhi 1/6...</p> <p>- Tiếp tục duy trì việc cho trẻ MG làm quen với Tiếng Anh nếu phụ huynh đăng ký và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>

Liên Khê, ngày 26 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mơ

TT	NỘI DUNG	Toàn trường		ĐGMB đạt được so với dự kiến đầu năm học	Trong đó chia ra									
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		Nhà trẻ			Mẫu giáo						
					3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25 - 36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi				
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ	729	100		0	15	128	170	217	199			
		Trẻ học nhóm lớp	24				1	4	6	7	6			
		Trẻ học 2 buổi trên ngày	729	100		0	15	128	170	217	199			
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập												
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ tổ chức được ăn bán trú	729	100		0	15	128	170	217	199			
		Trẻ được cung cấp chế độ khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	729	100										
		Trẻ cân nặng bình thường	679	93		14	120	159	199	187				
		Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân + Cao hơn	50	6,85		1	8	11	18	12				
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe an toàn cho trẻ	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ có chiều cao bình thường	661	90,6		13	102	157	198	191			
			Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi + Cao hơn	68	9,3		2	26	13	19	8			
			Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	12	1,64		1		2	4	5			
			Trẻ Thừa cân	14	1,9									
			Trẻ béo phì	6	0,8				3	1	1	4		
			Trẻ được đảm bảo an toàn về thể và tinh thần	729	100		15	128	170	217	199			
			Trẻ đi học chuyên cần	620	85		10	90	140	190	190			
			Trẻ đánh giá ở mức độ "Đạt"	584	80		10	90	127	173	184			
			4	Chất lượng giáo dục trẻ	Đánh giá chất lượng giáo dục	Trẻ đánh giá ở mức độ "CCG"	145	20		5	38	43	44	15
						Trẻ đánh giá ở mức độ "Chưa đạt"		0		0	0	0	0	0
Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN		0					0	0	0	0	0			
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ				0	0	0	0	0				

26 tháng 09 năm 2023



Trưởng đơn vị

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mơ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023 - 2024.**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	24	Số 1,6m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	24	-
1	Phòng học kiên cố	24	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	8038 m ²	11.07 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2895m ²	3.99m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	54m ² /1 phòng	1,8 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	0
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	12.54m ²	
4	Diện tích sân chơi (m ²)	687 m ²	0,95m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²) (Đã dùng để làm phòng học)	75m ²	0
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	200 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	1.429	60 bộ/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	450	19 bộ/lớp
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	7	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	24 máy vi tính/24 lớp	1 bộ/ lớp
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị		Số thiết bị/nhóm (lớp)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
	ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	Ti vi	16 cái	
2	Đầu đĩa	1 cái	Dùng chung
3	Âm ly 1 cái	1 cái	Dùng chung
4	Máy chiếu	1 cái	Dùng chung
5	Máy vi tính của VP	5 cái	
6	Máy in của VP và các lớp	29 cái	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)		
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	2 nhà VS (GV: 51.84 m ² Nhân viên nuôi: 6 m ²)	0	275.88/22 phòng
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0

(*Theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Trưởng Bộ giáo dục và đào tạo ban hành theo điều lệ trường Mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu chuẩn - điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh).

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..		

Liên Khê, ngày 26 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Mơ

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	80			53	16	6	5		22	21	17				
I	Giáo viên	56			49	7			19	22	17					
1	Nhà trẻ	15			10	5			3	7	5					
2	Mẫu giáo	41			39	2	0		16	15	12					
II	Cán bộ quản lý	3			3				3							
1	Hiệu trưởng	1			1				1							
2	Phó hiệu trưởng	2			2				2							
III	Nhân viên	21			1	9	6	5								
1	Nhân viên văn thư	0														
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên nuôi dưỡng	17				9	6	2								
6	Nhân viên khác	3						3								

Liên Khê, ngày 26 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



(Ký tên và đóng dấu)

 HIỆU TRƯỞNG
 Nguyễn Thị Mơ

UBND HUYỆN THUY NGUYEN
TRƯỜNG MAM NON LIEN KHE

Biểu mẫu 1.5

Thông báo công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023 -2024 và 02 năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức, đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Từ 2023-2025	Nguyễn Thị Mơ- HT	1	Quản lý giáo dục		Cao học
2	Từ 2021- 2023	Nguyễn Thị Đoàn- Phó HT	1	Trung cấp chính trị	Tại chức	Trung cấp
3	Từ 2023-2024	Ngô Thị Loan	1	Trung cấp chính trị	Tập trung	Trung cấp
4	Từ 2023-2024	Giáo viên	2	Học nâng chuẩn	Tại chức	Đại học

Liên Khê, ngày 26 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mơ